

Số: 304 /QĐ-DH

Tp HCM, ngày 08 tháng 07 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai đánh giá thực hiện dự toán thu chi ngân sách nhà nước 6 tháng năm 2024 của trường THCS-THPT Diên Hồng

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính Sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ ;

Xét đề nghị của Phòng tài chính;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu đánh giá thực hiện dự toán thu chi ngân sách nhà nước 6 tháng năm 2024 của trường THCS-THPT Diên Hồng (theo các biểu đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Tổ trưởng văn phòng, Trưởng phòng Tài chính và các Phòng, Ban liên quan thuộc và trực thuộc tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Cơ quan tài chính cùng cấp;
- Tổ chức cấp trên;
- Các đơn vị thuộc, trực thuộc;
- Các Phòng, Ban
- Lưu :VT, ...

THỦ TRƯỞNG TỔ CHỨC

(Chữ ký, dấu)

Họ và tên



Nguyễn Tiến Tân

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH 06 tháng năm 2024

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện Q2/2023	Ước thực hiện / Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
A	2	3	4	5	6
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	-	-		
1	Số thu phí, lệ phí	-	-		
1.1	Lệ phí	-	-		
	Lệ phí A	-	-		
	Lệ phí B	-	-		
1.2	Phí	-	-		
	Phí A				
	Phí B				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
2.1	Chi sự nghiệp.....	-	-		
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-	-		
2.2	Chi quản lý hành chính	-	-		
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	-	-		
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	-	-		
III	Số phí, lệ phí nộp NSNN	-	-		
3.1	Lệ phí	-	-		
	Lệ phí A	-	-		
	Lệ phí B	-	-		
3.2	Phí	-	-		
	Học phí				
	Thu sự nghiệp khác				
	Thu hoạt động dịch vụ				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	24.366	7.113	29,19%	
I	Nguồn Ngân sách trong nước	24.366	7.113	29,19%	
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	-	-		
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	-	-		
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	-	-		
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	-	-		
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	-	-		
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	-	-		
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	-	-		
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-	-		



3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	24.366	7.113	29,19%	
3,1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	11.719	4.436	37,85%	
3,2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	12.647	2.677	21,17%	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	-	-		
4,1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-	-		
4,2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-	-		
5	Chi bảo đảm xã hội	-	-		
5,1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-	-		
5,2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-	-		
6	Chi hoạt động kinh tế	-	-		
6,1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-	-		
6,2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-	-		
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	-	-		
7,1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-	-		
7,2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-	-		
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	-	-		
8,1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-	-		
8,2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-	-		
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	-	-		
9,1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-	-		
9,2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-	-		
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	-	-		
10,1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-	-		
10,2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-	-		
II. Nguồn vốn viện trợ					
1	Chi quản lý hành chính				
1,1	Dự án A				
1,2	Dự án B				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2,1	Dự án A				
2,2	Dự án B				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề				
3,1	Dự án A				
3,2	Dự án B				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4,1	Dự án A				
4,2	Dự án B				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5,1	Dự án A				
5,2	Dự án B				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6,1	Dự án A				
6,2	Dự án B				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7,1	Dự án A				
7,2	Dự án B				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8,1	Dự án A				
8,2	Dự án B				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9,1	Dự án A				
9,2	Dự án B				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10,1	Dự án A				
10,2	Dự án B				

III.	Nguồn vay nợ nước ngoài				
1	Chi quản lý hành chính				
1,1	Dự án A				
1,2	Dự án B				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2,1	Dự án A				
2,2	Dự án B				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề				
3,1	Dự án A				
3,2	Dự án B				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4,1	Dự án A				
4,2	Dự án B				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5,1	Dự án A				
5,2	Dự án B				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6,1	Dự án A				
6,2	Dự án B				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7,1	Dự án A				
7,2	Dự án B				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8,1	Dự án A				
8,2	Dự án B				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9,1	Dự án A				
9,2	Dự án B				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10,1	Dự án A				
10,2	Dự án B				



08 tháng 07 năm 2024

TRƯỜNG ĐƠN VỊ

(Chữ ký, dấu)

Nguyễn Tiến Tân